



NỘI DUNG CHÍNH

CẬP NHẬT THÔNG TIN PHÁP LÝ MỚI NHẤT

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về nhãn hàng hóa.
2. Sửa đổi, bổ sung quy định về thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
3. Quy định mới về mua, bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng.
4. Quy định mới về tái chiết khấu công cụ chuyên nhượng giữa các tổ chức tín dụng.

BÀI VIẾT

Bảo lãnh ngân hàng: Còn tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp.

ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Xây dựng, thử nghiệm có kiểm soát mô hình mẫu về chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại.
2. HoREA kiến nghị giảm thuế cho nhà thương mại giá thấp.

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với chi phí làm thẻ tạm trú, thị thực cho người lao động nước ngoài.
2. Hướng dẫn việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng.
3. Chính sách thuế nhà thầu đối với bản quyền game và doanh thu chia sẻ.
4. Cách lập hóa đơn và tính nộp thuế giá trị gia tăng khi sử dụng voucher điện tử.

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về nhãn hàng hóa

Ngày 09/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 111/2021/NĐ-CP (“**Nghị định 111/2021**”) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa với một số nội dung đáng chú ý sau đây:

1.1 Không bắt buộc ghi nhãn bằng tiếng Việt đối với hàng hóa xuất khẩu

Nghị định 111/2021 quy định, đối với nhãn của hàng hóa xuất khẩu thì thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật nước nhập khẩu và không bắt buộc phải ghi nhãn bằng tiếng Việt nếu không tiêu thụ trong nước.

Trường hợp thể hiện xuất xứ hàng hóa trên nhãn hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân xuất khẩu tự xác định và ghi xuất xứ hàng hóa của mình bảo đảm trung thực, chính xác, tuân thủ các quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu hoặc các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Bên cạnh đó, Nghị định 111/2021 đã bãi bỏ quy định “đối với hàng hóa không xuất khẩu được hoặc bị trả lại, đưa ra lưu thông trên thị trường thì trên nhãn phụ phải có dòng chữ in đậm “được sản xuất tại Việt Nam”.

1.2 Nhãn gốc của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam

Theo Nghị định 111/2021, nhãn gốc của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bắt buộc phải thể hiện các nội dung sau bằng tiếng nước ngoài hoặc tiếng Việt khi làm thủ tục thông quan:

- (1) Tên hàng hóa.
- (2) Xuất xứ hàng hóa. Trường hợp không xác định được xuất xứ thì ghi

nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa.

- (3) Tên hoặc tên viết tắt của tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa ở nước ngoài.

✓ Trường hợp trên nhãn gốc hàng hóa chưa thể hiện tên đầy đủ và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa ở nước ngoài thì các nội dung này phải thể hiện đầy đủ trong tài liệu kèm theo hàng hóa.

✓ Đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam có nhãn gốc tiếng nước ngoài, sau khi thực hiện thủ tục thông quan và chuyển về kho lưu giữ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải thực hiện việc bổ sung nhãn hàng hóa ghi bằng tiếng Việt theo trước khi đưa hàng hóa vào lưu thông tại thị trường Việt Nam.

1.3 Yêu cầu ghi rõ nơi thực hiện công đoạn hoàn thiện cuối cùng đối với hàng hóa không xác định được xuất xứ

Theo Nghị định 111/2021, nếu hàng hóa không xác định được xuất xứ theo quy định thì ghi nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa. Trong đó, nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa được thể hiện bằng một trong các cụm từ hoặc kết hợp các cụm từ thể hiện công đoạn hoàn thiện hàng hóa như sau: “lắp ráp tại”, “đóng

chai tại”, “phối trộn tại”, “hoàn tất tại”, “đóng gói tại”, “dán nhãn tại” kèm tên nước hoặc vùng lãnh thổ nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hàng hóa.

Nghị định 111/2021 sẽ có hiệu lực từ ngày 15/02/2022.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định về thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Ngày 15/11/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 100/2021/TT-BTC (“**Thông tư 100/2021**”) sửa đổi, bổ sung Thông tư 40/2021/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2.1 Cá nhân cho thuê tài sản có doanh thu dưới 100 triệu đồng/năm không phải nộp thuế

Theo khoản 3 Điều 1 của Thông tư 100/2021, cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản và thời gian cho thuê không trọn năm, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp bên thuê trả tiền thuê tài sản trước cho nhiều năm thì mức doanh thu để xác định cá nhân phải nộp thuế hay không phải nộp thuế là doanh thu trả tiền một lần được phân bổ theo năm dương lịch.

2.2 Sàn thương mại điện tử chỉ nộp thuế thay cho cá nhân nếu có sự ủy quyền

Thông tư 100/2021 quy định, tổ chức bao gồm cả chủ sở hữu Sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự. Đây là quy định mới so với Thông tư 40/2021/TT-BTC, theo đó, chủ sàn thương mại điện tử thực hiện việc kê khai, nộp thuế thay cho cá nhân theo lộ trình của cơ quan thuế.

Trong trường hợp tổ chức là chủ sở hữu Sàn giao dịch thương mại điện tử không thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân kinh doanh thông qua sàn trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự thì Cục Thuế phối hợp với Sàn giao dịch thương mại điện tử trong việc chia sẻ và cung cấp thông tin của cá nhân kinh doanh thông qua sàn theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế để quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

2.3 Các trường hợp nộp thuế đối với hộ khoán

Khoản 1 Điều 1 của Thông tư 100/2021 quy định 3 trường hợp tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán như sau:

- (1) Hộ khoán đã được cơ quan thuế thông báo số thuế khoán phải nộp từ đầu năm thì thực hiện theo thông báo.
- (2) Trường hợp hộ khoán đã được thông báo số thuế từ đầu năm nhưng trong năm ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh số thuế phải nộp theo hướng dẫn.

- (3) Trường hợp hộ khoán mới ra kinh doanh trong năm (kinh doanh không đủ 12 tháng trong năm dương lịch) thì điều kiện xác định có thuộc diện phải nộp thuế giá trị gia tăng, nộp thuế thu nhập cá nhân hay không là doanh thu kinh doanh trong năm trên 100 triệu đồng, còn từ 100 triệu đồng trở xuống sẽ không phải nộp thuế.
- Thông tư 100/2021 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

3. Quy định mới về mua, bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng

Ngày 10/11/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 16/2021/TT-NHNN (“**Thông tư 16/2021**”) quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp trong lãnh thổ Việt Nam, thay thế cho Thông tư 22/2016/TT-NHNN, Thông tư số 15/2018/TT-NHNN với một số điểm mới đáng lưu ý sau đây:

3.1 Tổ chức tín dụng chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp khi nợ xấu dưới 3%

Theo khoản 5 Điều 4 của Thông tư 16/2021, tổ chức tín dụng (TCTD) chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) khi TCTD đó có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với TCTD trước thời điểm mua TPDN.

3.2 Điều kiện để trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện giao dịch mua, bán

Điều 5 của Thông tư 16/2021 quy định, TPDN được thực hiện giao dịch mua, bán khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- (1) Là TPDN được phát hành theo đúng quy định của pháp luật.
- (2) Được phát hành bằng đồng Việt Nam.

- (3) Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán, chưa đến hạn thanh toán hết gốc, lãi và bên bán cam kết TPDN không có tranh chấp, được phép giao dịch theo quy định của pháp luật, không trong tình trạng đang mua bán có kỳ hạn, chiết khấu, tái chiết khấu (trừ trường hợp TCTD mua TPDN phát hành để bán lần đầu).

3.3 Trường hợp tổ chức tín dụng không được mua trái phiếu doanh nghiệp

Theo khoản 8 Điều 4 của Thông tư 16/2021, các TCTD không được mua TPDN phát hành trong đó trong có mục đích để:

- (i) Cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp phát hành;
- (ii) Góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; và
- (iii) Tăng quy mô vốn hoạt động.

Ngoài ra, Thông tư 16/2021 còn quy định một số nguyên tắc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp như sau:

- TCTD chỉ được mua TPDN mà doanh nghiệp phát hành đã thay đổi mục đích sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật trước thời điểm TCTD mua trái phiếu khi doanh nghiệp phát hành trái phiếu được xếp hạng ở mức cao nhất theo quy định xếp hạng tín dụng nội bộ của TCTD tại thời điểm gần nhất.
- TCTD không được bán TPDN cho công ty con của chính TCTD đó, trừ trường hợp TCTD là bên nhận chuyển giao bắt buộc bán TPDN cho ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc.
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
- Trong vòng 12 tháng sau khi bán TPDN chưa niêm yết, TCTD không được mua TPDN chưa niêm yết mà TCTD đã bán và hoặc TPDN chưa niêm yết được phát hành cùng lô/cùng đợt phát hành với TPDN chưa niêm yết mà TCTD đã bán.

Thông tư 16/2021 có hiệu lực từ ngày 15/01/2022.

4. Quy định mới về tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng giữa các tổ chức tín dụng

Ngày 18/11/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 18/2021/TT-NHNN ("**Thông tư 18/2021**") quy định về hoạt động tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng (CCCN) giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD), là bên tái chiết khấu, và ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính là bên được tái chiết khấu. Thông tư 18/2021 có những quy định mới như sau:

4.1 Điều kiện để tổ chức tín dụng được thực hiện tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng

Theo khoản 1 Điều 3 của Thông tư 18/2021, TCTD được thực hiện tái chiết khấu CCCN khi trong Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp có nội dung hoạt động tái chiết khấu CCCN.

4.2 Điều kiện tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng

Khoản 1 Điều 4 của Thông tư 18/2021 quy định, CCCN được tái chiết khấu khi:

- (i) Đã được bên được tái chiết khấu thực hiện chiết khấu đối với khách hàng.

(ii) Thuộc sở hữu hợp pháp của bên được tái chiết khấu, được phép giao dịch theo quy định của pháp luật, không có tranh chấp, không trong tình trạng đang được sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ khác;

(iii) Chưa đến hạn thanh toán; và

(iv) Còn nguyên vẹn, không tẩy xóa, sửa chữa.

4.3 Phương thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng

Theo Điều 5 của Thông tư 18/2021, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thỏa thuận, lựa chọn 1 trong 2 phương thức tái chiết khấu sau:

- (i) *Mua có kỳ hạn CCCN* là việc bên tái chiết khấu mua và nhận chuyển nhượng CCCN chưa đến hạn thanh toán từ bên được tái chiết khấu, đồng thời bên được tái chiết khấu cam kết sẽ mua lại CCCN đó sau một khoảng thời gian được xác định theo thỏa thuận tái chiết khấu.
- (ii) *Mua có bảo lưu quyền truy đòi CCCN* là việc bên tái chiết khấu mua và nhận chuyển nhượng CCCN chưa đến hạn thanh toán từ bên được tái chiết khấu; bên được tái chiết khấu phải có trách nhiệm thanh toán cho bên tái chiết khấu số tiền còn thiếu theo thỏa thuận trong trường hợp bên tái chiết khấu không nhận được đầy đủ số tiền được thanh toán từ người có trách nhiệm thanh toán CCCN đó.

4.4 Thời hạn tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng

- Thời hạn tái chiết khấu CCCN là khoảng thời gian được xác định *từ ngày* bên tái chiết khấu nhận tái chiết

khẩu CCCN *đến ngày* bên được tái chiết khấu phải thực hiện nghĩa vụ cam kết mua lại hoặc đến ngày đến hạn thanh toán toàn bộ số tiền ghi trên CCCN đó, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.

- Bên tái chiết khấu và bên được tái chiết khấu thỏa thuận thời hạn tái chiết khấu CCCN đảm bảo dưới 12 tháng và không vượt quá:
 - ✓ Ngày bên được tái chiết khấu phải thực hiện nghĩa vụ bán lại CCCN đó cho khách hàng (đối với trường hợp bên được tái chiết khấu thực hiện chiết khấu CCCN từ khách hàng theo phương thức mua có kỳ hạn); hoặc
 - ✓ Ngày đến hạn thanh toán toàn bộ số tiền ghi trên CCCN đó (đối với trường hợp bên được tái chiết khấu thực hiện chiết khấu CCCN từ khách hàng theo phương thức mua có bảo lưu quyền truy đòi).

GV Lawyers trân trọng giới thiệu đến quý độc giả một bài viết của Luật sư **Đỗ Đức Anh** có tiêu đề: **“Bảo lãnh ngân hàng: Còn tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp”** được đăng trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn số 31-2021 (1.598) ngày 29/07/2021.

BÀI VIẾT

“Bảo lãnh ngân hàng” được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25-06-2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thông tư 07). Đây là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên bảo lãnh cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh. Nhưng thực tế có khi không đơn giản như vậy.

Bảo lãnh ngân hàng phát sinh chủ yếu do nhu cầu trong các giao dịch thương mại nói chung và giao dịch mua bán nói riêng, không phải lúc nào bên mua cũng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn; thậm chí nhiều trường hợp bên mua có chủ định chiếm dụng vốn nên đã tìm cách kéo dài thời gian thực hiện thanh toán. Để tránh rủi ro, bên bán trong một số trường hợp đã yêu cầu bên mua phải cung cấp cho bên bán một cam kết bảo lãnh của ngân hàng với niềm tin của bên bán rằng, ngân hàng là một chủ thể uy tín sẽ đảm bảo thanh toán thay cho bên mua khi bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bên bán.

Tuy nhiên, niềm tin của bên bán đặt vào ngân hàng đôi khi không được như họ mong đợi. Và sự thật là

không ít bên bán đã phải khởi kiện để yêu cầu tòa án buộc ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Tại sao phải khởi kiện ngân hàng?

Theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 21 Thông tư 07, chậm nhất sau năm ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp lệ kèm hồ sơ theo thỏa thuận tại cam kết bảo lãnh, ngân hàng có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết.

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, thay vì thực hiện ngay nghĩa vụ bảo lãnh trong thời hạn như quy định nêu trên, ngân hàng thường thuyết phục bên bán và bên mua thỏa thuận với nhau để thống nhất lại lịch thanh toán. Việc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ thanh toán này có thể được giải thích là ngân hàng muốn ngăn ngừa sự hình thành của một khoản “nợ xấu”. Bởi khi ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bên mua (là bên được bảo lãnh) phải nhận nợ với ngân hàng, khi đó giữa ngân hàng và bên mua hình thành quan hệ cấp tín dụng, và khoản tín dụng này sẽ phải được phân loại

nợ theo quy định của ngành ngân hàng.

Song, thực tế này thật khó chấp nhận khi xem xét rằng “bảo lãnh ngân hàng” là một hoạt động sinh lời của ngân hàng, và để phát hành cam kết bảo lãnh thì ngân hàng đã thu phí bảo lãnh.

Theo đó, khởi kiện ngân hàng là việc cực chẳng đã mà bên bán buộc phải làm sau khi bị bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán, và ngân hàng vi phạm cam kết bảo lãnh. Tuy nhiên không phải lúc nào việc khởi kiện cũng gặp suôn sẻ.

Bản gốc “cam kết bảo lãnh” đã không còn nằm trong tay bên bán

Khi yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, đa số trường hợp bên bán sẽ phải nộp bản gốc cam kết bảo lãnh cho ngân hàng, vì thường khi phát hành cam kết bảo lãnh, ngân hàng sẽ quy định hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm bản gốc cam kết bảo lãnh. Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện theo thỏa thuận của các bên, nhưng vì ngân hàng ở vị thế mạnh hơn, nên thường sẽ “nắm đằng chuôi” trong thỏa thuận này.

Khi đó, rủi ro sẽ nghiêng về phía bên bán bởi trong tay họ gần như không còn tài liệu gì để chứng minh ngân hàng có cam kết bảo lãnh đối với họ. Và chính vì vậy, bên bán sẽ rất khó khăn khi phải chứng minh với tòa án rằng ngân hàng đã vi phạm cam kết với bên bán. Và có thể sẽ còn khó khăn hơn khi vụ việc ở vào tình trạng dưới đây.

Ngoài ra, còn có trường hợp do sai phạm của nhân viên ngân hàng. Có thể kể đến vụ việc được đăng trên báo điện tử Thanh Niên^[1] có liên quan đến ngân hàng A mà ở đó, một lãnh đạo ngân hàng này cho rằng “việc bảo lãnh không làm hồ sơ, không đăng ký đảm bảo, không phương án kinh doanh, thế chấp, không thu phí, không hạch toán và cũng không có hồ sơ lưu ở ngân hàng” và “khi việc phát hành chứng thư bảo lãnh sai thì ngân hàng sẽ từ chối nghĩa vụ thanh toán”.

Qua đó để thấy rằng việc chứng minh có tồn tại cam kết bảo lãnh hay không sẽ phụ thuộc rất nhiều vào công tác hồ sơ của ngân hàng. Trường hợp vì một lý do nào đó, ngân hàng không có/không lưu hồ sơ về bảo lãnh, thì chỉ cần một lời khai của ngân hàng như lời khai của vị lãnh đạo trên đây sẽ khiến cho bên bán như bị “chôn chân tại chỗ”, bởi lẽ hồ sơ ngân hàng lưu, đến

cam kết bảo lãnh là tài liệu duy nhất mà bên bán được tiếp cận cũng nộp cho ngân hàng khi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh rồi, vậy bên bán sẽ dựa vào đâu để chứng minh là mình có quyền yêu cầu đối với ngân hàng? Do đó việc ngân hàng yêu cầu bên bán phải nộp bản gốc cam kết bảo lãnh do chính ngân hàng phát hành là một điều bất lợi cho bên bán trong nghĩa vụ chứng minh của mình.



Về bản chất, quan hệ dân sự được thiết lập trên cơ sở bình đẳng, thỏa thuận và tự do ý chí giữa các bên; và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự hiện hành cũng ghi nhận như vậy. Tuy nhiên, trong mối quan hệ mà ngân hàng, với tiềm lực lớn mạnh của mình, là bên có ưu thế rất lớn trong việc quyết định các điều khoản thì dường như yếu tố “bình đẳng”, “thỏa thuận” và “tự do ý chí” không thực sự được đảm bảo; mà ở quan

hệ này, bên yếu thế chỉ có lựa chọn: (i) không sử dụng dịch vụ của ngân hàng, hoặc (ii) có sử dụng dịch vụ thì buộc phải chấp nhận các điều khoản mà ngân hàng đưa ra.

Làm sao để hạn chế rủi ro?

Như người viết đã chỉ ra trên đây, hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện theo thỏa thuận của các bên, do vậy, cần tận dụng mọi cơ hội để có thể thỏa thuận với ngân hàng rằng chỉ phải nộp bản sao (mà không phải là bản gốc) của cam kết bảo lãnh khi yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Trong trường hợp ngân hàng không đồng ý với thỏa thuận này, thì nên yêu cầu ngân hàng cấp cho một bản sao của chính cam kết bảo lãnh đó để bên bán có tài liệu để lưu lại.

Tuy nhiên, nếu ngân hàng không chấp nhận thỏa thuận, cũng không đồng ý cấp cho bên bán bản sao của cam kết bảo lãnh thì sao? Nếu ở trường hợp như vậy, khi giao bản gốc cam kết bảo lãnh cho ngân hàng, bên bán cần yêu cầu thừa phát lại lập vi bằng ghi nhận sự kiện này tại trụ sở ngân hàng để làm chứng cứ lưu lại khi cần.

[1] <https://thanhnien.vn/thoi-su/agribank-bi-hang-tram-cong-nhan-vay-doi-no-488144.html>

1. Xây dựng, thử nghiệm có kiểm soát mô hình mẫu về chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại

DNVN - Đề án “*Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030*” vừa được Chính phủ phê duyệt yêu cầu xây dựng, phát triển, thử nghiệm có kiểm soát mô hình mẫu về chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại.

Ngày 22/11, Thủ tướng Chính phủ vừa ký Quyết định 1968/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “*Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030*”.

Cụ thể, Đề án quy định: hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành xúc tiến thương mại bao gồm mạng lưới xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; doanh nghiệp xúc tiến thương mại; ngành hàng, thị trường và các cơ sở dữ liệu khác phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại.

Trong đó quy định nền tảng kết nối giao thương trên môi trường số áp dụng công nghệ mới, hỗ trợ việc tìm kiếm thông tin, cơ hội kinh doanh trong nước và quốc tế.

Nền tảng hội chợ, triển lãm nhằm nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trưng bày giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thông tin, đối tác kinh doanh trên môi trường số.

Đồng thời quy định đào tạo trực tuyến (E-learning) tích hợp các kho học liệu, thư viện điện tử, hỗ trợ tra cứu thông tin, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại

và quy định về nền tảng định danh điện tử cho doanh nghiệp xúc tiến thương mại.

Theo Đề án, hệ sinh thái xúc tiến thương mại số phải

được xây dựng theo kiến trúc tổng thể, thống nhất, phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn công nghệ, kỹ thuật theo quy định; bảo đảm khả năng vận hành thông suốt, nâng cấp, mở rộng, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu.

Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số phải được xây dựng, phát triển, thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại; nhân rộng các mô hình thành công.

Sandbox đã và đang tạo ra một không gian thuận lợi với khung chính sách pháp lý riêng (nằm ngoài hoặc vượt khung pháp lý hiện tại) để tiến hành thử nghiệm những khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới.

Theo Hà Anh, doanhnhiepv.vn



Xây dựng, thử nghiệm có kiểm soát mô hình mẫu về chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại

2. HoREA kiến nghị giảm thuế cho nhà thương mại giá thấp

VTV.vn - HoREA kiến nghị đưa việc giảm 25% thuế suất thuế giá trị gia tăng, giảm 50% tiền sử dụng đất cho nhà thương mại giá thấp vào Luật Nhà ở.

Hiệp hội kiến nghị cho người mua nhà thương mại giá thấp được vay ưu đãi với lãi suất 7,2 - 7,5% một năm trong 10 - 15 năm.



Hiệp hội Bất động sản TP Hồ Chí Minh (HoREA) vừa kiến nghị Bộ Xây dựng trình Chính phủ xem xét bổ sung vào Luật Nhà ở (sửa đổi) các cơ chế hỗ trợ nhà thương mại giá thấp với mức ưu đãi bằng 25 - 50% chính sách đang áp dụng cho nhà ở xã hội.

HoREA kiến nghị giảm 50% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; giảm 25% thuế suất thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với mô hình nhà thương mại giá thấp (ở nhóm thuế này các dự án nhà ở xã hội được giảm 50%).

Người mua nhà ở thương mại giá thấp sau 5 năm cũng cần được Luật Nhà ở bảo vệ quyền bán, chuyển nhượng mà không phải nộp lại tiền sử dụng đất đã được hỗ trợ khi mua nhà.

Theo HoREA, quy trình thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án phát triển nhà ở có giá hợp lý cũng cần phải đơn giản, nhanh chóng. Đồng thời, cần có cơ chế kiểm soát để đảm bảo mỗi đối tượng chỉ được hưởng chính sách ưu đãi nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá hợp lý một lần.

Theo VTV.vn

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với chi phí làm thẻ tạm trú, thị thực cho người lao động nước ngoài

- Trường hợp các khoản chi phí làm và gia hạn thẻ tạm trú, thị thực cho người lao động nước ngoài do người sử dụng lao động chi trả để người lao động đủ điều kiện vào làm việc tại các tổ chức tại Việt Nam là trách nhiệm của người sử dụng lao động thì các khoản chi phí này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động nước ngoài.
- Trường hợp các khoản chi phí làm và gia hạn thẻ tạm trú, thị thực cho người lao động nước ngoài do người sử dụng lao động chi trả thay cho người lao động là lợi ích được hưởng của người lao động thì các khoản chi này tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động nước ngoài.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) tại Công văn số 51361/CTHN-TTHT ngày 01/12/2021.

2. Hướng dẫn việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng

Trường hợp Công ty có phát sinh hoạt động xây dựng, lắp đặt thì ngày lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư 39/2014/TT-BTC. Trường hợp tại thời điểm nghiệm thu, khách hàng của Công ty chưa đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp chế xuất thì thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt

động xây dựng lắp đặt là 10% được quy định tại Điều 11 của Thông tư 219/2013/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty cổ phần thiết kế và xây dựng Giza Việt Nam tại Công văn số 51365/CTHN-TTHT ngày 01/12/2021.

3. Chính sách thuế nhà thầu đối với bản quyền game và doanh thu chia sẻ

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với Công ty tại Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Nếu Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để kê khai trực tiếp thuế tại Việt Nam nêu tại Điều 8, Mục 2, Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì công ty tại Việt Nam có trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế cho đối tác nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Cụ thể như sau:

- Về thu nhập từ phí bản quyền game:
 - ✓ Thuế giá trị gia tăng: Trường hợp Nhà thầu nước ngoài có phát sinh thu nhập từ tiền bản quyền theo quy định tại khoản 21, Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.
 - ✓ Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tỷ lệ (%) để tính thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu đối với thu nhập từ bản quyền 10%.

- Về khoản thu nhập từ việc chia sẻ doanh thu: Công ty tại Việt Nam phải tự xác định bản chất doanh thu chia sẻ từ game mà Nhà thầu nước ngoài nhận được và căn cứ tình hình thực tế để áp dụng tỷ lệ tính thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp phù hợp (quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư 103/2014/TT-BTC).

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số tại Công văn số 49085/CTHN-TTHT ngày 24/11/2021.

4. Cách lập hóa đơn và tính nộp thuế giá trị gia tăng khi sử dụng voucher điện tử

- Trường hợp Công ty bán hàng hóa có hình thức khuyến mại tặng kèm theo

phiếu mua hàng theo đúng quy định của pháp luật thì Công ty không phải kê khai, tính thuế giá trị gia tăng đối với phiếu mua hàng tặng kèm theo hướng dẫn tại Điểm c Khoản 5 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

- Khi khách hàng sử dụng phiếu mua hàng để mua hàng tại Công ty, Công ty có trách nhiệm lập hóa đơn theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Siberian Health Quốc Tế tại Công văn số 48918/CTHN-TTHT ngày 23/11/2021.

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
QUỐC HỘI			
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự, số 02/2021/QH15.	12/11/2021	01/12/2021
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê, số 01/2021/QH15.	12/11/2021	01/01/2022
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 99/2021/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.	11/11/2021	01/01/2022
2	Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế.	08/11/2021	01/01/2022
3	Nghị định 97/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 23/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.	08/11/2021	23/12/2021
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ			
1	Quyết định 33/2021/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 23/2021/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.	06/11/2021	06/11/2021
BỘ CÔNG THƯƠNG			
2	Thông tư 96/2021/TT-BTC quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.	11/11/2021	01/01/2022
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
1	Thông tư 09/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất.	16/11/2021	01/01/2022
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 102/2021/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.	17/11/2021	01/01/2022
2	Thông tư 100/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	15/11/2021	01/01/2022
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM			
1	Thông tư 18/2021/TT-NHNN quy định về hoạt động tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	18/11/2021	07/01/2022
2	Thông tư 16/2021/TT-NHNN quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp	10/11/2021	15/01/2022



**GLOBAL VIETNAM
LAWYERS**

Liên Hệ Với Chúng Tôi

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – TP. HCM
Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

